TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 265/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7- 2023.
V/v "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thành Chúng;

2/ Ông Huỳnh Trường Huân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên toà: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 288/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 493, tổ 23, ấp PT, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 200, ấp P, xã PH1, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 6/10/2022 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông T trình bày: Ông và bà Dương Thị H đã ly hôn theo bản án số 222/2021/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện An Phú vào

ngày 02/7/2021.

Quá trình sống chung ông và bà H có tạo lập được các tài sản chung bao gồm;

- Năm 2001, bà Ph chị ruột của bà H hỏi mượn 02 (Hai) công đất, bán được số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng. Đến năm 2019 bà Ph trả lại 100.000 (Một trăm triệu) đồng, do tính theo giá trị đất hiện tại.

- Một chiếc xe SH Mode biển số 67. G1-530.52 mua tại cửa hàng Kim Châu 3 An Phú vào năm 2018 với giá trị 63.000.000 (Sáu mươi ba triệu) đồng do bà H đứng tên chủ sử dụng.

Tổng giá trị tài sản 163.000.000 (Một trăm sáu mươi ba triệu) đồng. Tất cả tài sản trên do bà H đang quản lý, sử dụng.

Trong quá trình giải quyết ly hôn, ông và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung mà tự thỏa thuận. Tuy nhiên, hiện nay không thỏa thuận được việc chia tài sản chung.

Nay yêu cầu chia tài sản chung của ông và bà Dương Thị H theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tòa án đã tổ chức hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết vụ việc. Tại phiên hòa giải ngày 06/12/2022, ông T và bà H thống nhất với nhau về giá trị của chiếc xe SH Mode biển số 67. G1-530.52 là 42.000.000 đồng. Bà H có yêu cầu ông T trả khoản nợ mà bà đã vay để trị bệnh cho ông trong thời gian chung sống và có cam kết sẽ làm đơn yêu cầu gửi đến Tòa án nhưng bà không thực hiện. Tại phiên hòa giải ngày 07/6/2023, ông T có mặt yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe máy và xin nhận giá trị, giao xe cho bà H đồng thời rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung đối với số tiền 100.000.000 đồng; bà H vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến. Bà H vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, tại phiên tòa thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án: Ông T rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là 100.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu này.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T phần giá trị tài sản chung là chiếc xe máy SH Mode mà bà H đang quản lý là 21.000.000 đồng.

Ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông T khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với bà H. Bà H đang cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về "Chia tài sản sau khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc thay đổi, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Ông T rút lại phần yêu cầu chia tài sản là 100.000.000 đồng. Xét thấy việc rút lại yêu cầu này của ông là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong thời gian chung sống, ông T và bà H có tạo lập được tài sản là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda model SH Mode, biển kiểm soát 67.G1 - 530.52 mua vào năm 2018, do bà H đứng tên. Mặc dù bà H phủ nhận là tài sản chung và cho rằng xe là do bà hốt hụi để mua và bà là chủ sở hữu, tuy nhiên căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình thì tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, sử dụng để phục vụ trong sinh hoạt chung gia đình, bà H không chứng minh được tài sản tranh chấp là của riêng bà và cũng không có yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe này trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, có căn cứ để xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, model SH Mode, biển kiểm soát 67.G1 - 530.52 do bà H đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy là tài sản chung của ông T và bà H trong thời kỳ hôn nhân.

[3] Về việc chia tài sản:

Căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Ông T có yêu cầu chia tài sản và xin nhận giá trị, giao lại tài sản cho bà H

quản lý. Các bên thống nhất với nhau giá trị tài sản là 42.000.000 đồng, đây là sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T được nhận phần giá trị tương đương với phần tài sản được chia là 21.000.000 đồng, bà H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T phần giá trị này. Bà H được sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, model SH Mode, biển kiểm soát 67.G1-530.52. Đối với khoản nợ chung mà bà H yêu cầu thì bà có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông được nhận lại phần tạm ứng án phí đối với phần yêu cầu bị đình chỉ.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng của ông Huỳnh Văn T.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T. Công nhận tài sản chung của ông T, bà H là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH Mode, biển kiểm soát 67.G1 - 530.52. Bà H được quyền sở hữu chiếc xe máy và có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T giá trị tài sản là 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu) đồng.

Về án phí: Ông T phải chịu 1.050.000 (Một triệu năm chục nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ 2.037.000 (Hai triệu ba mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0007907 ngày 11/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú hoàn lại cho ông T 987.000 (Chín trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

Bà H phải chịu 1.050.000 (Một triệu năm chục nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS H.AP (2);
- THA H.AP (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS + VP (1).

Nguyễn Quang Bảo